**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ S**
**TỈNH S**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **04/**2018/QĐST-KDTM

*S, ngày 20 tháng 03 năm 2018*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 03 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 33/2017/TLST-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2017.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* **CÔNG TY T**

Trụ sở chính: Số 22, Hàng Vôi, phường Lý Thái T, quận Hoàn K, Thành phố N.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kiều O**, sinh năm 1992 là Cán bộ pháp chế Ngân hàng P - Chi nhánh tỉnh S

Địa chỉ: Số 20B, đường Trần Hưng Đ, phường 2, thành phố S, tỉnh S (có mặt).

*Bị đơn:* **Công ty trách nhiện hữu hạn T**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Việt Thanh H** - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số 74A, đường Trần Bình T, phường M, thành phố S, tỉnh S.

Nơi cư trú hiện nay: Số 56/1, đường Lê Hồng Ph, phường K, thành phố S, tỉnh S (có mặt).

**3/**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Phạm Việt Thanh M**

Địa chỉ trụ sở: Số 74A, đường Trần Bình T, phường M, thành phố S, tỉnh S.

+ Ông **Phạm Việt Thanh H,** sinh năm 1965 (có mặt)

+ Bà **Hứa Ngọc H**

Địa chỉ: Số 213, đường Lê Hồng Ph, khóm K, phường M, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hứa Ngọc H và ông Phạm Việt Thanh M là: Ông **Phạm Việt Thanh H**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ trụ sở: Số 74A, đường Trần Bình T, phường M, thành phố S, tỉnh S.

Nơi cư trú hiện nay: Số 56/1, đường Lê Hồng Ph, phường K, thành phố S, tỉnh S (có mặt).

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1)** Bị đơn Công ty trách nhiện hữu hạn T, người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Việt Thanh H thừa nhận tính đến ngày 12/03/2018 có nợ nguyên đơn Công ty T số tiền gốc: 18.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 11.049.169.583 đồng, lãi quá hạn: 1.327.037.500 đồng. Tổng cộng gốc lãi: 30.376.207.083 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3072/HĐTD ngày 26/7/2012 và đồng ý trả số tiền trên cho nguyên đơn.

- Thời gian thanh toán là: Vào ngày 12/6/2018 trả một lần dứt số nợ trên.

2.2) Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất là hiện nay bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền tính đến ngày 12/03/2018 số tiền gốc: 18.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 11.049.169.583 đồng, lãi quá hạn: 1.327.037.500 đồng. Tổng cộng gốc lãi: 30.376.207.083 đồng và đồng ý với thời gian trả mà phía bị đơn đưa ra.

Đến hạn thanh toán theo thỏa thuận, nếu bị đơn Công ty trách nhiện hữu hạn T không thanh toán hoặc thanh toán nợ không đầy đủ theo thỏa thuận thì những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hứa Ngọc H, ông Phạm Việt Thanh M và ông Phạm Việt Thanh H đồng ý cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 1354/HĐTC ngày 18/06/2013 được ký kết giữa Công ty TNHH Phạm Ngọc Tiên với Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh tỉnh S để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Phạm Ngọc Tiên gồm các tài sản sau: Dây chuyền từ lúa ra gạo lức: HĐKT số 82/12/BVN ngày 26/07/2012 và Phụ lục số 01 ngày 24/10/2012; Hóa đơn GTGT số 0003344 ngày 04/12/2012;

+ Hệ thống băng tải và bù đài nhập lúa: HĐKT số 03/HĐKT ngày 15/08/2012 và Phụ lục kèm theo; Hợp đồng thi công xây dựng số 05/HĐ-TC ngày 15/06/2012; Hóa đơn GTGT số 0001180 ngày 01/02/2013;

+ Hệ thống thiết bị lò sấy: HĐKT số 12/HĐKT.2012 ngày 25/05/2012; Hóa đơn GTGT số 0000116 ngày 6/9/2012;

+ Trạm biến áp: Hợp đồng số 442/HĐ-PCST ngày 08/08/2012; Hóa đơn GTGT số 0005247 và 0005248 ngày 09/10/2012

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 1466/HĐTC ngày 21/06/2013 được ký kết giữa Công ty TNHH Phạm Ngọc Tiên với Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh tỉnh S để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Phạm Ngọc Tiên gồm các tài sản sau:

+ Dây chuyền từ lúa ra gạo lức: HĐKT số 82/12/BVN ngày 26/07/2012 và Phụ lục số 01 ngày 24/10/2012; Hóa đơn GTGT số 0003344 ngày 04/12/2012;

+ Hệ thống băng tải và bù đài nhập lúa: HĐKT số 03/HĐKT ngày 15/08/2012 và Phụ lục kèm theo; Hợp đồng thi công xây dựng số 05/HĐ-TC ngày 15/06/2012; Hóa đơn GTGT số 0001180 ngày 01/02/2013;

+ Hệ thống thiết bị lò sấy: HĐKT số 12/HĐKT.2012 ngày 25/05/2012; Hóa đơn GTGT số 0000116 ngày 6/9/2012 để ngân hàng thu hồi nợ.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 1266/HĐTC ngày 06/06/2013 được ký kết giữa Công ty TNHH Phạm Ngọc Tiên với Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh tỉnh S để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Phạm Ngọc Tiên gồm các tài sản sau:

+ Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất số BN 228201, số vào sổ cấp GCN CT000022 cấp ngày 23 tháng 04 năm 2013, nơi cấp UBND tỉnh S. Thửa đất số: 983; Tờ bản đồ số: 02; Địa chỉ thửa đất: ấp Nhất, xã Châu Khánh, huyện Long Phú, tỉnh S; Diện tích: 3.929,6 $m^2$;

+ Tài sản gắn liền với đất là Công trình xây dựng: Nhà máy xay xát, hệ thống lò sấy.

- Đặc điểm kỹ thuật:

+ Nhà máy xây xát: Cấp 4; 1 tầng; Khung sắt, cột sắt, tường gạch xây 20, chiều cao xây 3m, vách trên tole, nền BTCT, mái tole; Diện tích xây dựng: 1,835.8$m^2$; Diện tích sàn: 1,835.8 $m^2$

+ Hệ thống lò sấy: Cấp 4; 1 tầng; Khung sắt, cột sắt, tường gạch xây 20, chiều cao xây 3m, vách trên tole, nền BTCT, mái tole; Diện tích xây dựng: 859.3$m^2$; Diện tích sàn: 859.3$m^2$ để Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các

2.3) Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 69.188.104 đồng. Bị đơn Công ty trách nhiện hữu hạn T đồng ý chịu toàn bộ.

Công ty T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 73.549.200 đồng theo biên lai thu số 0007053 ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 4.180.000 đồng, nguyên đơn Công ty T đồng ý chịu toàn bộ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn Công ty T đã nộp theo phiếu thu số 97 ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S. Hoàn trả cho cho nguyên đơn Công ty T số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ còn thừa là 820.000 đồng.

Kể từ ngày 13/03/2018 bị đơn Công ty trách nhiện hữu hạn T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bị đơn còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn trong các hợp đồng tín dụng trên số tiền gốc vay chưa thanh toán.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh S;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Quốc Định**